

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Số: /TTr-QLQ

TỜ TRÌNH

(v/v: Thông qua báo cáo tài chính 2019 của Quỹ VVDIF)

Kính trình: Đại hội thành viên thường niên Quỹ VVDIF

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Điều lệ Quỹ Đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam;

Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank đề xuất Đại hội thông qua BCTC 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán E&Y và được Ban Đại diện quỹ phê chuẩn vào ngày 13/03/2020. Ban đại diện và đơn vị kiểm toán cũng thống nhất BCTC này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2019 đến ngày 31/12/2019 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho quỹ Đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Toàn văn BCTC 2019 của quỹ VVDIF được đăng tải trên website Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank tại đại chỉ: www.vietinbankcapital.vn

Trân trọng kính trình./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu QLTS, TCHC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Ngọc Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2019 & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020**QUỸ ĐẦU TƯ KHÁM PHÁ GIÁ TRỊ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VVDIF)**

Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (“VVDIF” hoặc “Quỹ”), tên tiếng Anh là Vietinbank Value Discovery Investment Fund, tên viết tắt là VVDIF, là quỹ thành viên, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các luật pháp hiện hành, được thành lập và hoạt động theo Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 217/TB-UBCK ngày 9 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ được tổ chức dưới dạng quỹ thành viên, có thời gian hoạt động là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép.

Quỹ có Vốn Điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng, tương đương 10.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Trụ sở của Quỹ đặt tại tầng 6, số 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

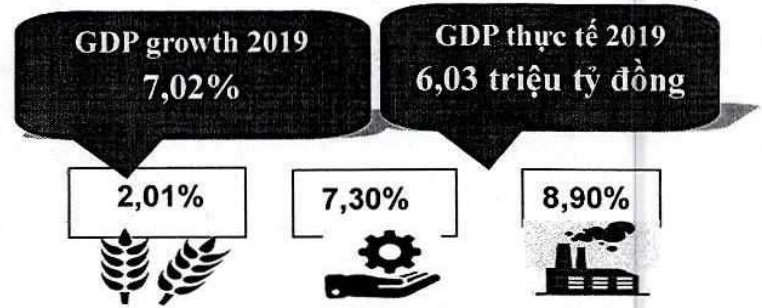
I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2019 QUỸ VVDIF**1. Tình hình vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2019****✦ Tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2019**

- GDP Việt Nam năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu mà Quốc hội đề ra (từ 6,6% đến 6,8%) và là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng trên 7%. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45,0 vào mức tăng trưởng chung.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra cũng là mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm qua. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 2,01 so với bình quân năm 2018.
- Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.
- Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp xuất siêu. Ước tính cả năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 519,96 tỷ USD. trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước. Năm 2019 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng đạt tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%).
- Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2019 (tính đến 20/12/2019) đạt 38 USD, tăng 7,2% so với năm 2018. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2019 đạt 20,4 tỷ USD, tăng 6,7% so với năm 2018.

- Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2019 ước tính đạt 1.414,3 nghìn tỷ đồng, bằng 100,2% dự toán năm, trong đó thu tiền sử dụng đất, thu từ dầu thô và thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu vượt mức dự toán, các khoản thu quan trọng khác như thu từ khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, thu thuế thu nhập cá nhân... cũng đạt trên 90% dự toán năm. Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2019 ước tính đạt 1.316,4 nghìn tỷ đồng, bằng 80,6% dự toán năm. Chi ngân sách năm 2019 đáp ứng các nhiệm vụ đầu tư phát triển, chi trả nợ, bảo đảm quốc phòng, an ninh...

03 lĩnh vực chính đóng góp tăng trưởng GDP 2019 là:

- Nông lâm nghiệp thủy sản (+2,01%);
- Dịch vụ (+7,30%);
- Công nghiệp xây dựng (+8,90%).



Thị trường tiền tệ

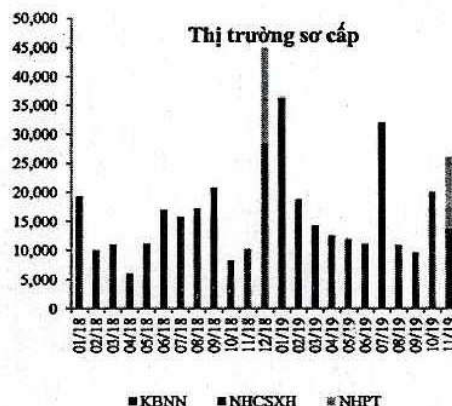
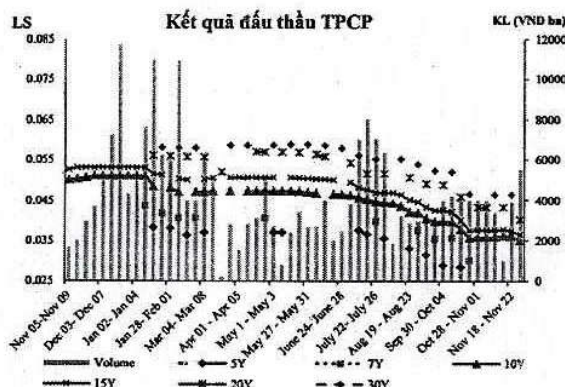
- Tính đến ngày 20/12/2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,1% so với cuối năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,3%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,5% (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,5%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tăng 12,1% (cùng kỳ năm 2018 tăng 13,3%).
- Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản điều chỉnh giảm lãi suất có hiệu lực từ ngày 19/11/2019. Theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 6,5%/năm xuống 6%/năm. Nhiều ngân hàng thương mại đã đồng loạt công bố giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Mặt bằng lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,2%-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.
- Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.
- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm quý IV/2019 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, ước tính tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 25%, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 10%. Ước tính doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2019 đạt 160,2 nghìn tỷ đồng, tăng 20,3% so với năm 2018, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ đạt 107,8 nghìn tỷ đồng, tăng 25,1%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 52,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6%.
- Tỷ giá USD/VND được giữ ổn định nhiều tháng qua. Theo Tổng cục thống kê, trong năm 2019, chỉ số giá USD tăng 0,99% so với năm 2018.

Thị trường trái phiếu trái phiếu

- Thị trường trái phiếu Chính phủ: Năm 2019, Kho bạc Nhà nước huy động được 215.267 tỷ đồng TPCP thông qua hình thức đấu thầu tại HNX, đạt 86% kế hoạch phát hành năm 2019. Trong

những năm gần đây cho thấy xu hướng KBNN phát hành đẩy tăng khối lượng kỳ hạn dài và giảm khối lượng kỳ hạn ngắn. Trong đó, lượng trái phiếu phát hành tập trung vào các kỳ hạn 10 năm & 15 năm. Tổng giá trị niêm yết trái phiếu Chính phủ tính đến 30/12/2019 đạt hơn 1,15 triệu tỷ đồng.

- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Theo thống kê công bố từ HNX và từ các doanh nghiệp, trong năm 2019, có 211 doanh nghiệp thực hiện chào bán tổng cộng 300.588 tỷ đồng trái phiếu, chia làm 807 đợt phát hành trong đó có 12 đợt phát hành không thành công. Tổng số trái phiếu phát hành cả năm là 280.141 tỷ đồng, tương đương 93,2% giá trị chào bán và tăng 25% so với năm 2018. Hầu hết các doanh nghiệp phát hành dưới hình thức riêng lẻ, chỉ có khoảng 6% phát hành ra công chúng bởi các ngân hàng thương mại. Lượng phát hành lớn trong năm đã khiến quy mô thị trường TPDN tăng mạnh từ 9,01% GDP (2018) lên khoảng 11,3% GDP (2019), tổng lượng TPDN lưu hành đạt gần 670 nghìn tỷ đồng.
- Các NHTM phát hành 115.422 tỷ đồng trái phiếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất (41,2%) trong tổng lượng TPDN phát hành 2019. Các doanh nghiệp bất động sản phát hành 106.531 tỷ đồng trái phiếu, đứng thứ 2 với tỷ trọng 38%. Tiếp sau là nhóm các doanh nghiệp năng lượng và khoáng sản (13,2 nghìn tỷ đồng – 4,7%); các định chế tài chính phi ngân hàng mà chủ yếu là các CTCK (10,4 nghìn tỷ đồng – 3,8%); các doanh nghiệp phát triển hạ tầng (7,6 nghìn tỷ đồng – 2,8%); còn lại là các doanh nghiệp khác.
- Theo thống kê của Ngân hàng Châu Á (ADB), tổng quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam (gồm cả TPCP và TPDN) tại 30/9/2019 là 95,37 tỷ USD, tương đương 37,6% GDP – là mức tương đương với Philippines nhưng còn cách khá xa Trung Quốc, Thái Lan (xấp xỉ 60% GDP). Các nước càng phát triển thì tỷ trọng kênh trái phiếu trên GDP càng lớn như Nhật Bản là 214% GDP; Hàn Quốc là 120% GDP...



(Nguồn: Tổng hợp)

Thị trường chứng khoán

- Thị trường chứng khoán năm 2019 có nhiều đóng góp trong việc huy động vốn cho nền kinh tế với tổng mức huy động đạt 313,9 nghìn tỷ đồng. Chỉ số VN-Index chốt năm 2019 đạt 960,99 điểm, tăng 7,4% so với cuối năm 2018. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết (tính đến 31/12/2019) đạt 4,38 triệu tỷ đồng, tăng 11% so thời điểm 31/12/2018.
- Tính đến cuối năm 2019, thị trường cổ phiếu có 748 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên HoSE và HNX; 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM. Ngoài ra, thị trường có 517 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt gần 1,2 triệu tỷ, tăng 5,6% (tương đương 21,4% GDP). Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường thứ cấp năm 2019 đạt 9.139 tỷ đồng/ phiên, tăng 3,4% so với bình quân 2018.
- Thị trường chứng khoán phái sinh tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng, đã có 89.795 tài khoản giao dịch phái sinh với 18 Công ty Chứng khoán cung cấp dịch vụ. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 88.900 hợp đồng/phiên, tăng 13,5% so với bình quân giao dịch năm 2018. Trong năm 2019, thị trường chứng khoán phái sinh cũng chứng kiến sản phẩm mới được đưa vào giao dịch chính thức, cụ thể là Chứng quyền có bảo đảm (CW) và Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ (Bond Futures). Mặc dù vậy thì khác với Hợp đồng tương lai chỉ số VN30, các sản phẩm mới này nhìn chung chỉ thu hút được sự chú ý của một bộ phận nhà đầu tư trong thời gian đầu và chưa thực sự tạo được nhiều dấu ấn trên thị trường kể từ sau thời điểm ra mắt.

2. Báo cáo về tài sản và nguồn vốn của quỹ VVDIF

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (VND)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
A. TÀI SẢN		
1. Tiền gửi ngân hàng	937.624.290	772.767.661
2. Đầu tư chứng khoán	120.513.582.167	121.958.810.324
3. Phải thu khác	-	4.957.756.849
TỔNG TÀI SẢN	121.451.206.457	127.689.334.834
B. NGUỒN VỐN		
I. NỢ PHẢI TRẢ	145.849.469	149.191.691
1. Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng lưu ký	67.897.304	71.387.053
2. Phải trả khác	77.952.165	77.804.638
II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	121.305.356.988	127.540.143.143
1. Vốn góp của các nhà đầu tư	100.000.000.000	100.000.000.000
1.1. Vốn góp	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	21.305.356.988	27.540.143.143
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	121.451.206.457	127.689.334.834

Tính đến ngày 31/12/2019, Tổng tài sản của quỹ VVDIF đạt 127,68 tỷ đồng (tương ứng tăng 5,14% so với cùng kỳ năm trước);

3. Báo cáo kết quả hoạt động của quỹ VVDIF

Lợi nhuận trong năm 2019 của quỹ VVDIF đạt 6,23 tỷ đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2019 & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020**Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VVDIF)**

CHỈ TIÊU	Năm 2018 (VND)	Năm 2019 (VND)
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN		
I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	9.991.192.052	9.079.044.445
1. Cổ tức được nhận	1.492.750.000	9.075.368.036
2. Lãi trái phiếu được nhận	8.498.449.970	2.238.697
3. Lãi tiền gửi	(7.918)	1.437.712
4. Thu nhập bán chứng khoán	-	
5. Thu nhập khác	-	
II. Chi phí	4.849.998.155	1.117.358.540
1. Phí quản lý quỹ	753.512.793	767.272.687
2. Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	69.656.183	63.939.390
3. Chi phí họp, đại hội	-	18.739.410
4. Phí kiểm toán	77.000.000	77.000.000
5. Chi phí thù lao cho Ban Đại diện	180.000.000	180.000.000
6. Phí và chi phí khác	3.769.829.179	10.407.053
III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm	5.141.193.897	7.961.685.905
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN		
I. Thu nhập	895.724.250	126.321.000
1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư	895.724.250	126.321.000
II. Chi phí		
1. Chênh lệch lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư		
III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối năm		(1.853.220.750)
1. Chênh lệch lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư		(1.853.220.750)
III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối năm	895.724.250	(1.726.899.750)
LỢI NHUẬN TRONG NĂM	6.036.918.147	6.234.786.155

4. Báo cáo tài sản ròng của quỹ VVDIF

Tổng giá trị tài sản ròng của quỹ VVDIF cuối năm 2019 đạt 127,30 tỷ đồng (tương ứng tăng 5,23% so với cùng kỳ năm trước) giá trị tài ròng trên một đơn vị quỹ VVDIF đạt 12.130 đồng/ccq (tương ứng tăng 5,14% so với cùng kỳ năm trước).

CHỈ TIÊU	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG ĐẦU NĂM	115.268.438.841	121.305.356.988
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRONG NĂM	6.036.918.147	6.234.786.155
<i>Trong đó:</i>		
Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	6.036.918.147	6.234.786.155
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CUỐI NĂM	121.305.356.988	127.540.143.143

5. Báo cáo danh mục đầu tư của quỹ VVDIF

Tính đến 31/12/2018, danh mục đầu tư của quỹ VVDIF gồm cổ phiếu có giá trị 32,68 tỷ đồng (chiếm 26,91% tổng giá trị danh mục); trái phiếu có giá trị 87,82 tỷ đồng (chiếm 72,32% tổng giá trị danh mục); tiền có giá trị 0,93 tỷ đồng (chiếm 0,77% tổng giá trị danh mục)

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2018 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết				
	Công ty Cổ phần MHC – MHC	1.178.347	3.000	3.535.041.000	2,77%
	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam – GEX	1.417.260	19.350	27.423.981.000	21,48%
	Tổng cộng cổ phiếu niêm yết	2.595.607		30.959.022.000	24,25%
II	Cổ phiếu không niêm yết	-		-	-
II	Trái phiếu không niêm yết				
	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE	82	999.986.234	81.998.871.198	64,22%
	Trái phiếu Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng	9	1.000.101.902	9.000.917.126	7,05%
	Tổng cộng trái phiếu không niêm yết	91		95.957.545.173	75,15%
III	Các tài sản khác				
	Trái tức được nhận			4.957.756.849	3,88%
III	Tiền				
	Tiền gửi ngân hàng			772.767.661	0,61%
	Tổng cộng tiền gửi ngân hàng			772.767.661	0,61%
IV	Tổng giá trị danh mục			127.689.334.834	100,00%

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020 CỦA QUỸ VVDIF

1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2020

1. Triển vọng Kinh tế vĩ mô

- Triển vọng năm 2020, kinh tế vĩ mô của Việt Nam nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì ổn định và tăng trưởng với mức độ gia tăng thấp hơn so với năm 2019 do bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp do sự suy giảm của hai nền kinh tế đầu tàu là Mỹ và Trung Quốc, dịch bệnh do virus corona.
- Trong năm 2020, GDP dự kiến sẽ tăng trưởng khoảng 6,5%, lạm phát tuy không còn ở mức thấp song vẫn duy trì ổn định và ở mức quanh 4% nhờ xu hướng giá hàng hóa cơ bản giảm trên toàn cầu và chính sách tiền tệ thận trọng của NHNN.
- Mặt bằng lãi suất tiếp tục được duy trì ở mức ổn định và có thể giảm; tăng trưởng tín dụng hợp lý tiếp tục hỗ trợ đầu tư và tiêu dùng từ khu vực tư nhân tiếp tục phục hồi. Tăng trưởng tín dụng dự kiến sẽ dưới 14% và mặt bằng lãi suất sẽ giảm nhẹ so với hiện nay nhờ lạm phát ổn định và áp lực tăng trưởng tín dụng không cao.

- Thị trường ngoại hối sẽ tương đối ổn định khi các NHTU trên thế giới duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và áp lực lạm phát tương đối thấp. NHNN có đủ dự trữ ngoại hối dồi dào, duy trì biên độ tăng tỷ giá VND/USD 1-2% nhờ lượng dự trữ ngoại hối dồi dào.
- Chính sách tài khóa mặc dù không còn nhiều dự địa để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế khi nợ công và nghĩa vụ trả nợ ngân sách vẫn ở mức cao song sức ép lên kinh tế vĩ mô hiện tại là thấp với thâm hụt ngân sách đang được Chính phủ kiểm soát tốt. Tỷ lệ Nợ công/GDP vẫn duy trì ở mức an toàn và sẽ tiếp tục duy trì trạng thái trên. Nhu cầu huy động vốn trái phiếu trong năm 2020 dự kiến sẽ cao hơn so với năm 2019 do nghĩa vụ trả nợ đến hạn trong năm 2020 khá cao tuy nhiên sẽ không khiến mất bằng lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng nhiều nhờ nhu cầu của các NĐT nước ngoài và hệ thống NHTM khá cao.

Triển vọng thị trường chứng khoán

- Quy mô thị trường chứng khoán tiếp tục có sự phát triển trong năm 2020, dù với tốc độ tăng trưởng có thể chậm lại so với năm 2019 nhưng sự tăng trưởng mang tính phân hóa và chọn lọc hơn.
- Lãi suất liên ngân hàng được kỳ vọng giảm trong năm 2020, thanh khoản dồi dào nhờ những yếu tố hỗ trợ như:
 - o Diễn biến thị trường ngoại hối nhiều yếu tố thuận lợi, tỷ giá ổn định.
 - o Dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào thị trường Việt Nam, đặc biệt khi các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước tương đối ổn định.
 - o Tốc độ tăng trưởng ở mức vừa phải.
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục có sự mở rộng về quy mô trong năm 2020, tỷ lệ trái phiếu doanh nghiệp/trái phiếu chính phủ phát hành sẽ có xu hướng tăng dần.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

- ❖ Kế hoạch trong năm 2020, Quỹ VVDIF dự kiến sẽ tiếp tục phát triển dựa trên bề dày kinh nghiệm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu và hiểu biết sâu sắc doanh nghiệp, thông qua sự kết nối chặt chẽ giữa Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank và Ngân hàng mẹ Vietinbank. Các trái phiếu, cổ phiếu trong danh mục đầu tư của Quỹ VVDIF đều được nghiên cứu và lựa chọn từ các doanh nghiệp uy tín trên thị trường để hạn chế tối đa rủi ro, đồng thời mang lại nhuận cao cho nhà đầu tư.
- ❖ Tăng trưởng NAV dự kiến trong năm 2020 khoảng 8%-12%/năm

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Ngọc Lài

Số: /TTr-QLQ-VVDIF

TỜ TRÌNH

(v/v: kế hoạch ngân sách hoạt động và mức chi trả thù lao Ban đại diện quỹ năm 2020)

Kính trình: Đại hội thường niên Quỹ VVDIF

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Điều lệ Quỹ Đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam;

Theo quy định tại khoản đ, mục 1, Điều 13 Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26/12/2012 về việc quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ, căn cứ điều lệ Quỹ, sau đây chúng tôi xin báo cáo thực tế chi phí hoạt động của Ban đại diện năm 2019 và đề xuất ngân sách hoạt động Ban Đại diện 2020 như sau

I. Báo cáo thực tế chi phí hoạt động Ban đại diện và chi phí hoạt động khác của quỹ so với ngân sách năm 2019

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2019 (đồng)	Thực tế 2019 (đồng)	Tăng/giảm %
	Tổng chi phí hoạt động khác của Quỹ	0,5% NAV	350.085.853	-45,1%
1	Phí môi giới, giao dịch, chuyển nhượng hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản của Quỹ	Theo thực tế phát sinh	0	
2	Thuế và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật - Phí lưu ký phải trả VSD: - Phí giám sát, bảo quản tài sản: - Phí quản lý tài khoản, phí chuyển tiền, phí khác,...	Theo thực tế phát sinh	9.053.173 63.939.390 1.353.880	
3	Chi phí và phí tổn liên quan đến việc kiểm toán cho Quỹ;	Theo thực tế phát sinh	77.000.000	
4	Chi phí và phí tổn liên quan đến các dịch vụ pháp lý cho Quỹ;	Theo thực tế phát sinh	0	
5	Chi phí phải trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ;	Theo thực tế phát sinh	0	
6	Chi phí và phí tổn liên quan đến việc sửa đổi Điều lệ này vì quyền lợi của các thành viên góp vốn;	Theo thực tế phát sinh	0	
7	Chi phí liên quan đến việc tổ chức và triệu tập Đại hội thành viên và các cuộc họp Ban đại diện Quỹ;	100.000.000	18.739.410	
8	Chi phí liên quan đến việc in ấn, công bố thông tin về Quỹ;	10.000.000	0	
9	Phí báo giá chứng khoán cho mục đích định giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ từ các công ty chứng khoán	20.000.000	0	
10	Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác được Ban đại diện Quỹ và/hoặc Đại hội thành viên quyết định Chi phí Ban đại diện (5 triệu đồng/tháng/thành viên)	180.000.000	180.000.000	

Ghi chú: : Một số chi phí hoạt động khác của Quỹ VVDIF năm 2019 bao gồm: Chi phí liên quan đến việc in ấn, công bố thông tin về Quỹ, chi phí báo giá chứng khoán thực tế không phát sinh so với ngân sách đã xin. Chi phí liên quan đến việc tổ chức và triệu tập Đại hội thành viên và các cuộc họp Ban đại diện Quỹ cũng phát sinh thấp hơn so với dự toán.

II. Đề xuất kế hoạch ngân sách hoạt động và chi trả thù lao Ban đại diện quỹ 2020

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2020 (đồng)	Thực tế 2019 (đồng)	%Tăng/giảm
	Tổng chi phí hoạt động khác của Quỹ	0,5% NAV	350.085.853	
1	Phí môi giới, giao dịch, chuyển nhượng hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản của Quỹ	Theo thực tế phát sinh	0	
2	Thuế và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật - Phí lưu ký phải trả VSD: - Phí giám sát, bảo quản tài sản: - Phí quản lý tài khoản, phí chuyển tiền, phí khác,...	Theo thực tế phát sinh	9.053.173 63.939.390 1.353.880	
3	Chi phí và phí tổn liên quan đến việc kiểm toán cho Quỹ; Riêng chi phí kiểm toán không vượt quá 77 triệu đồng	Theo thực tế phát sinh	77.000.000	
4	Chi phí và phí tổn liên quan đến các dịch vụ pháp lý cho Quỹ;	Theo thực tế phát sinh	0	
5	Chi phí phải trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ;	Theo thực tế phát sinh	0	
6	Chi phí và phí tổn liên quan đến việc sửa đổi Điều lệ này vì quyền lợi của các thành viên góp vốn;	Theo thực tế phát sinh	0	
7	Chi phí liên quan đến việc tổ chức và triệu tập Đại hội thành viên và các cuộc họp Ban đại diện Quỹ;	100.000.000	18.739.410	
8	Chi phí liên quan đến việc in ấn, công bố thông tin về Quỹ;	10.000.000	0	
9	Phí báo giá chứng khoán cho mục đích định giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ từ các công ty chứng khoán	20.000.000	0	
10	Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác được Ban đại diện Quỹ và/hoặc Đại hội thành viên quyết định Chi phí Ban đại diện (5 triệu đồng/tháng/thành viên)	180.000.000	180.000.000	

Ghi chú: Ngân sách dự kiến tăng so với thực tế và được lập trên cơ sở sau:

- Dự kiến chi phí liên quan đến việc tổ chức và triệu tập Đại hội thành viên và các cuộc họp Ban đại diện quỹ tăng
- Chi phí in ấn, công bố thông tin về quỹ và chi phí báo giá Công ty Quản lý quỹ sẽ được phân tách theo chi phí thực tế

Trân trọng kính trình./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu QLTS, TCHC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Ngọc Lài

Số: /TTr-QLQ

TỜ TRÌNH

(V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của quỹ VVDIF)

Kính trình: Đại hội thành viên thường niên Quỹ VVDIF

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Điều lệ Quỹ Đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam;

Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank đề xuất các nội dung sau:

1. Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 của quỹ VVDIF

Do Quỹ VVDIF chưa tạo ra nhiều lợi nhuận trong năm 2019, Công ty quản lý quỹ Vietinbank xin đề xuất không phân phối lợi nhuận năm 2019 của quỹ VVDIF. Lợi nhuận 2019 của Quỹ VVDIF sẽ kết chuyển sang 2020 và sẽ đề xuất phân phối trong các lần họp đại hội tới.

2. Về kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của VVDIF

Tăng trưởng NAV của quỹ VVDIF dự kiến năm 2020 từ 8%-12%/năm

Trân trọng kính trình./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu QLTS, TCHC

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Ngọc Lai

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Số: /TTr-QLQ-VVDIF

TỜ TRÌNH

(v/v: lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho BCTC năm 2020)

Kính trình: Đại hội thường niên Quỹ VVDIF

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Điều lệ Quỹ Đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam;

Hiện tại Công ty QLQ Vietinbank đang gửi yêu cầu đến một số Công ty Kiểm toán hàng đầu Việt Nam để cung cấp dịch vụ kiểm toán cho quỹ năm 2020, gồm:

- E&Y
- An Việt
- AASC

Công ty QLQ Vietinbank đề xuất Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Chủ tịch Ban đại diện Quỹ lựa chọn một trong 3 công ty Kiểm toán nói trên hoặc công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020 để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm tài chính 2020 (tức là từ ngày 01/01/2020 đến ngày 09/10/2020), dựa trên tiêu chí:

- Đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ
- Tính chuyên nghiệp cao
- Mức phí hợp lý nhưng không vượt quá 77 triệu đồng (đã bao gồm cả thuế VAT)

Kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng kính trình./ 

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu QLTS, TCHC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Ngọc Lài